

Số:04/2021/ QĐST-KDTM

B, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 280, 282, 292, 299, 317, 318, 320, 322, 463, 466, 468, 500 và 501 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số:34/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2021;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Minh H- Chức vụ: Giám đốc ngân hàng N

- **Bị đơn:** 1/ Ông Phùng Văn T - sinh năm 1981

2/ Bà Phạm Thị Lan A- sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu phố 11, phường N, thị xã B, tỉnh T

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Các đương sự thống nhất ông Phùng Văn T, bà Phạm Thị L nợ của ngân hàng N toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 06/6/2022 cụ thể: Nợ gốc: 3.000.000.000đ, nợ lãi: 796.980.821đ, (trong đó: nợ lãi trong hạn: 181.232.876đ; nợ lãi quá hạn: 615.747.945đ). Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.796.980.821đ(Ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi một đồng).

Ông Phùng Văn T và bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán (trả nợ) cho ngân hàng N tổng số tiền 3.796.980.821đ(Ba tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi một đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số 3524 – LAV – 202000407 ngày 05/3/2020 đã ký với ngân hàng kể từ ngày 07/6/2022 cho đến khi thanh toán hết dư nợ cho ngân hàng.

Khi nguyên đơn có đơn đề nghị Thi hành án và có quyết định thi hành án nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bị đơn theo các hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ.

- Tài sản bảo đảm gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:3524/130/09/2018 ngày 08/11/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/11/2018. Giấy tờ liên quan đến tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:BH 780125 đứng tên ông Phùng Văn T, bà Phạm Thị L do UBND thị xã B cấp ngày 17/01/2012.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:3524/138/09/2018 ngày 29/11/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/11/2018. Giấy tờ liên quan đến tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số:BN 433418 đứng tên ông Phùng Văn T, bà Phạm Thị L do UBND thị xã B cấp ngày 01/7/2013.

*** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Ông Phùng Văn T và bà Phạm Thị L phải nộp án phí KDTM là: 53.969.800đ(Năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm đồng)(mỗi người chịu 26.984.900đ).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 49.808.000đ(Bốn chín triệu, tám trăm lẻ tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thị xã B theo biên lai thu số:AA/2021/0004969 ngày 06/7/2021

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKDND thị xã B
- Chi cục Thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ